

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2020 Nhiệm vụ công tác 3 tháng cuối năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 15/01/2020 của UBND quận Ba Đình về thực hiện công tác CCHC năm 2020, UBND quận báo cáo Sở Nội vụ thành phố Hà Nội kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ công tác 3 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Xây dựng, ban hành Kế hoạch

Thực Quyết định số 7216/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2020 của thành phố Hà Nội, UBND quận đã ban hành Kế hoạch về công tác Cải cách hành chính trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020. Theo đó, Quận đã đề ra những chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong chỉ đạo, điều hành và kết quả từng nội dung của công tác CCHC như: Cải cách thể chế; Cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa nền hành chính. Kế hoạch CCHC năm 2020 của Quận đã xác định rõ yêu cầu cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 của Quận đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ; gắn với Chủ đề công tác năm của Thành phố “Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp”.

Căn cứ vào chỉ đạo của UBND quận, UBND các phường đã chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC năm 2020 của đơn vị; các ngành chủ động tham mưu theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân quận về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2020 của Quận, ngày 04/02/2020, UBND quận ban hành Chương trình hành động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020. Theo đó, để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, UBND quận đã triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; tập trung thực hiện chủ đề “Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành

công đại hội đảng bộ các cấp”. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ Thành phố và Quận ủy đề ra, trọng tâm là công tác chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đảng bộ toàn quốc lần thứ XIII.

Thực hiện Chi thị số 20/CT-UBND ngày 25/12/2019 của UBND Thành phố về việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; Theo đó, UBND quận yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: Nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tuân thủ nghiêm các quy định về đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tuyệt đối không sử dụng rượu bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc; không hút thuốc lá trong công sở, nơi công cộng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan nơi công cộng và cư trú; Tăng cường các hình thức quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng thời giờ làm việc trong cơ quan, đơn vị, đảm bảo hoạt động thường xuyên trong ngày làm việc; bố trí việc trực cơ quan trong các ngày nghỉ lễ theo đúng quy định. Ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các cơ quan, đơn vị khẩn trương tập trung tiếp tục triển khai công việc, không để chậm trễ ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn. Thực hiện nghiêm nội quy, quy định của cơ quan đơn vị và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc, không sử dụng thời giờ làm việc để làm việc riêng, đi lễ hội¹.

UBND quận đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2020. Quận đã triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp, cụ thể như: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức nhất là người đứng đầu; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra phát hiện và xử lý tham nhũng; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng; thực hiện công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước...

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc Tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 24/8/2016 về CCHC nhà nước của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020, UBND quận Ba Đình ban hành Kế hoạch tổng kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 30/9/2016 thực hiện công tác CCHC quận Ba Đình giai đoạn 2016-2020. Theo đó, UBND quận đã có báo Tổng kết và gửi Thành phố theo quy định (*trước 30/4/2020*)².

UBND quận đã ban hành Kế hoạch triển khai việc khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành quan, đơn vị hành chính thuộc quận Ba Đình năm 2020³. Theo đó, UBND quận giao các cơ quan chuyên môn phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quận thực hiện xong việc khảo sát

¹ Công văn số 2647/UBND-VP ngày 26/12/2019.

² Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 17/4/2020.

³ Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 21/5/2020; Công văn số 943/UBND-NV ngày 15/6/2020.

2400 phiếu (300 phiếu cấp quận và 2100 phiếu/14 phường) đối với 08 tiêu chí cơ bản của quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính thuộc quận: (1) Cơ sở vật chất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; (2) Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính; (3) Thành phần hồ sơ/phí, lệ phí; (4) Thái độ giao tiếp của công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; (5) Việc hướng dẫn kê khai hồ sơ của công chức; (6) Thời gian trả kết quả giải quyết TTHC; (7) Chất lượng kết quả giải quyết nhận được; (8) Các điều kiện thực hiện góp ý, phản ánh, kiến nghị.

UBND quận đã ban hành Kế hoạch Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của thành phố Hà Nội năm 2020 trên địa bàn quận Ba Đình⁴. Theo đó, UBND quận đã chỉ đạo UBND các phường có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tự kiểm tra tại đơn vị mình; giao Đoàn Kiểm tra công vụ quận bổ sung các nội dung kiểm tra PAPI vào Kế hoạch Kiểm tra công vụ và Kế hoạch Kiểm tra CCHC năm 2020 trên địa bàn quận; Rà soát các nhiệm vụ phục vụ công tác Kiểm tra CCHC của Thành phố năm 2020⁵;

Trên cơ sở phân tích đánh giá kết quả đạt được trong xếp hạng chỉ số CCHC của Quận năm 2019, UBND quận xây dựng và ban hành Kế hoạch khắc phục những tồn tại Chỉ số CCHC năm 2019, nâng cao Chỉ số CCHC năm 2020 và các năm tiếp theo⁶; đã chỉ đạo, yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, chủ tịch UBND các phường rà soát, đánh giá những tồn tại, hạn chế của từng phòng chuyên môn, UBND các phường đề ra giải pháp khắc phục trong năm 2020.

3. Công tác kiểm tra

UBND quận đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020 và Quyết định thành lập 03 Đoàn Kiểm tra công vụ. Theo đó, UBND quận sẽ thực hiện kiểm tra theo Kế hoạch đối với 12 đơn vị⁷ và kiểm tra đột xuất. Ngay sau kỳ Nghỉ Tết Nguyên đán, Đoàn Kiểm tra công vụ của quận đã thực hiện kiểm tra công vụ đột xuất 12 lượt đối với 12 phường⁸; tính đến nay, Đoàn Kiểm tra công vụ đã đi kiểm tra đột xuất 15 lượt với 14 phường⁹; Kiểm tra theo kế hoạch đối với 06 đơn vị (đạt 50% kế hoạch)¹⁰. Kết quả kiểm tra cho thấy hầu hết các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 25/12/2019 của UBND Thành phố về kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Việc tiếp nhận hồ sơ hành chính của công dân, tổ chức được duy trì ổn định, được thực hiện ngay ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ Tết

⁴ Kế hoạch 144/KH-UBND ngày 07/7/2020.

⁵ Công văn số 1194/UBND-NV ngày 23/7/2020 và Công văn số 1239/UBND-NV ngày 29/7/2020; Công văn số 1356/UBND-NV ngày 12/8/2020.

⁶ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 09/7/2020.

⁷ UBND phường: Công Vị, Đội Cấn, Giảng Võ Ngọc Khánh, Nguyễn Trung Trực, Phúc Xá, Thành Công, Phòng Y tế, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao Mầm non Tuổi hoa, Tiểu học Việt Nam – Cuba, THCS Thống Nhất.

⁸ Công Vị, Đội Cấn, Kim Mã, Liễu Giai, Ngọc Hà, Ngọc Khánh, Nguyễn Trung Trực, Phúc xá, Quán Thánh, Thành Công, Trúc Bạch, Vĩnh Phúc.

⁹ Kiểm tra thêm phường Giảng Võ (02 lượt), Điện Biên.

¹⁰ UBND phường Công Vị, Đội Cấn, Ngọc Khánh, Nguyễn Trung Trực, Mầm non Tuổi hoa, Tiểu học Việt Nam – Cuba.

Nguyên đán. Cán bộ, công chức, người lao động của các phường được kiểm tra chấp hành nghiêm chỉnh thời gian làm việc theo quy định; công tác tiếp công dân được quan tâm thực hiện.

Đã xây dựng và ban hành Kế hoạch về Kiểm tra công tác CCHC năm 2020 trên địa bàn quận Ba Đình. Theo kế hoạch, UBND quận thực hiện kiểm tra đối với 04 đơn vị¹¹ tập trung vào việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch công tác CCHC năm 2020 của quận như: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách TTHC, kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; cải cách tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hoá hành chính.

UBND quận đã xây dựng và ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức cán bộ năm 2020; Quyết định thành lập 03 Đoàn kiểm tra công tác tổ chức cán bộ. Theo đó, tổ chức kiểm tra đột xuất hoặc theo kế hoạch các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý biên chế, tiền lương; việc thực hiện các quy định về bố trí, sử dụng công chức, viên chức sau khi trúng tuyển; thực hiện các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ và vị trí việc làm đối với công chức, viên chức; tổ chức đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động hằng tháng, quý, năm... Trong 6 tháng đầu năm 2020, các Đoàn Kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 07 trường Mầm non, Tiểu học, THCS¹². Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị cơ bản thực hiện đảm bảo quy định trong công tác cán bộ.

4. Công tác thông tin, tuyên truyền

Để đảm bảo cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ về công tác CCHC của Quận, UBND quận đã ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC nhà nước trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020¹³. Theo đó, Quận triển khai nhiều nhiệm vụ trọng tâm với mục tiêu phấn đấu 100% các cơ quan, đơn vị thuộc quận xây dựng Kế hoạch triển khai hoặc lồng ghép nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, đồng thời tổ chức thực hiện đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2020 của Quận; 100% các văn bản QPPL do HĐND quận, UBND quận ban hành và các văn bản về CCHC, thông tin về hoạt động CCHC của cơ quan, đơn vị được đăng tải kịp thời trên Cổng TTĐT, Trang Zalo của quận đến từng người dân trên địa bàn; 100% các trường THCS trên địa bàn được thông tin, tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 dùng chung của Thành phố.

Để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, UBND quận yêu cầu công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC là nhiệm vụ thường xuyên của hệ thống chính trị từ quận đến phường. Nội dung thông tin, tuyên truyền phong phú, thường xuyên cập nhật, bám sát kế hoạch CCHC và kế hoạch ứng dụng CNTT của quận năm 2020. Lựa chọn hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với nhiệm vụ, đối tượng, đơn vị.

¹¹ Văn phòng HĐND và UBND quận; UBND phường: Điện Biên, Kim Mã, Liễu Giai.

¹² Mầm non Thành Công, Mẫu giáo Tuổi thơ, Tiểu học: Đại Yên, Tiểu học Kim Đồng; THCS: Thành Công, Phan Chu Trinh.

¹³ Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/3/2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Thực hiện các Kế hoạch số của UBND Thành phố Hà Nội, UBND quận đã xây dựng và ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn quận năm 2020; Kế hoạch Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận năm 2020; Kế hoạch trọng tâm công tác Tư pháp năm 2020 trên địa bàn quận; Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2020 trên địa bàn quận năm 2020; Kế hoạch rà soát văn bản QPPL nhằm đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại quận Ba Đình.

Trên cơ sở Kế hoạch đề ra và theo chức năng nhiệm vụ, UBND quận tổ chức kiểm tra, rà soát văn bản, đề xuất loại bỏ những văn bản QPPL đã hết hiệu lực, văn bản không còn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. Qua rà soát, chưa phát hiện ra văn bản QPPL và văn bản có chứa QPPL có nội dung trái pháp luật, hoặc ban hành vượt quá thẩm quyền theo quy định phải đề xuất bãi bỏ.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Thành phố, Hội đồng PHPBGDPL Thành phố, Quận ủy, sự phối hợp chặt chẽ và chủ động của cả hệ thống chính trị, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn quận đã có bước chuyển rõ nét, đạt hiệu quả. Các hình thức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đa dạng và có sự đầu tư; luôn triển khai thực hiện sớm so với kế hoạch và đảm bảo hiệu quả theo chỉ đạo của Thành phố.

Thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Phòng Tư pháp – Cơ quan thường trực của Hội đồng PHPBGDPL của quận thường xuyên tham mưu cho Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp quận chỉ đạo các đơn vị tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật đồng thời tham mưu sâu với ban chỉ đạo việc kiểm tra công tác cải cách tư pháp với một số đảng ủy các phường. UBND quận đã tham mưu với Ban thường vụ Quận ủy báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW.

Bám sát sự chỉ đạo của Thành phố và nhiệm vụ chính trị của Quận, UBND quận xây dựng và triển khai Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của Quận. Trong 9 tháng đầu năm 2020, UBND quận đã tổ chức các hội nghị: Tổng kết công tác tuyên truyền và hòa giải trên địa bàn quận; Tập huấn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho gần 200 đồng chí là lãnh đạo UBND, cán bộ tư pháp 14 phường, tổ trưởng và tổ viên các tổ hòa giải trên địa bàn quận; tập huấn luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành cho 159 trường hợp là các thành viên Hội đồng phổ biến GDPL, lãnh đạo, chuyên viên các phòng,

ban, lãnh đạo UBND, cán bộ tư pháp, quân sự, văn hóa thông tin, địa chính- xây dựng 14 phường, Đội quản lý TTXD đô thị quận.

Thường xuyên đăng tải tài liệu, chương trình tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật do Sở Tư pháp phát hành trên cổng thông tin điện tử quận và gửi tới UBND các phường để tổ chức tuyên truyền tới người dân trên địa bàn;

2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2020 của UBND Thành phố, UBND quận đã ban hành Kế hoạch công tác kiểm soát TTHC năm 2020 trên địa bàn quận¹⁴. Theo đó, Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính từ quận đến phường được tăng cường trong cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Rà soát, đơn giản hóa TTHC; Hoạt động kiểm tra, kiểm soát TTHC, trong thực hiện quy định về một cửa, một cửa liên thông và việc giải quyết TTHC của các cơ đơn vị. Rà soát TTHC thực hiện trên địa bàn quận, đảm bảo toàn bộ các TTHC được công khai theo quy định của pháp luật và quy định của Thành phố...

Thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 21/01/2020 của UBND Thành phố, UBND quận đã ban hành Kế hoạch Kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020¹⁵. Theo đó, UBND quận tập trung kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát TTHC; Thực hiện rà soát, công khai TTHC tại nơi tiếp nhận và giải quyết TTHC; Thực hiện giải quyết TTHC tại đơn vị, công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định hành chính gồm: công khai địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; thư điện tử, website, email, số điện thoại chuyên dùng tại trụ sở cơ quan hành chính...

Trên cơ sở công bố của Thành phố và các văn bản pháp lý liên quan, UBND quận đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên tự rà soát TTHC thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp quận và phường. UBND quận đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các phường rà soát TTHC theo Quyết định số 7023/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố về việc công bố bộ TTHC đang thực hiện tại cấp huyện và Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố về việc công bố bộ TTHC đang thực hiện tại cấp xã thuộc thành phố Hà Nội. UBND quận yêu cầu các đơn vị rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung các TTHC đảm bảo đúng Quyết định công bố của Thành phố và không niêm yết các TTHC đã bị hủy bỏ; thực hiện nghiêm túc công khai toàn bộ các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của quận, phường, các quy định về TTHC bằng văn bản giấy, tra cứu điện tử tại bộ phận “Một cửa” của quận, phường, công khai trên cổng TTĐT quận Ba Đình (<http://www.badinh.gov.vn>). Đến nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quận là: 223 TTHC; TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của phường: 93; TTHC liên thông: 60.

¹⁴ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 22/01/2020.

¹⁵ Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 27/02/2020.

Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC 9 tháng đầu năm 2020

- Cấp quận: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 7372. Trong đó:

+ Hồ sơ đã giải quyết: 7211 (không có hồ sơ quá hạn);

+ Hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 116 hồ sơ.

- Cấp phường: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 51378. Trong đó:

+ Hồ sơ đã giải quyết: 51195 (51052 hồ sơ đúng hạn, 143 hồ sơ quá hạn¹⁶);

+ Hồ sơ đang giải quyết: 148 hồ sơ (100 chưa đến hạn, 48 hồ sơ quá hạn¹⁷).

Việc tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị được UBND quận quán triệt đến các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội về Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung Quyết định 4548/QĐ-UBND. UBND quận đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ thư điện tử để đề người dân, tổ chức phản ánh, kiến nghị về TTHC tại bộ phận “Một cửa” của quận và phường.

Để tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, UBND quận đã có thông báo về việc tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận¹⁸. Theo đó, UBND sẽ tổ chức đối thoại 02 lần/năm. Tính đến nay, UBND quận đã tiếp nhận và giải quyết 01 trường hợp người dân, tổ chức nào có phản ánh, kiến nghị về các quy định hành chính (theo chỉ đạo của Văn phòng UBND Thành phố).

UBND quận đã thực hiện kiện toàn bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cấp quận theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ¹⁹. Theo đó, UBND quận đã biệt phái 01 công chức phòng Tư pháp và 01 công chức phòng Lao động – Thương binh và xã hội làm việc tại bộ phận “Một cửa” cấp quận.

¹⁶ Công Vụ: 31 hồ sơ Lĩnh vực TP-HT do thao tác nhầm trên phần mềm; do quận đang xử lý chưa chuyển về phường; Điện Biên: 23 hồ sơ giải quyết và trả cho công dân trên thực tế đúng hạn, nhưng do lỗi đường truyền nên không trả trên hệ thống được; Đội Cán: 10 hồ sơ lĩnh vực TP-HT chưa cập nhật ngay khi có kết quả; 19 hồ sơ lĩnh vực LĐT BXH liên thông cấp quận, phường đã xử lý đúng thời gian quy định; Giảng Võ: 07 hồ sơ Bảo trợ xã hội do lỗi phần mềm cập nhật ngày giờ giao hồ sơ giữa bộ phận chuyên môn với cấp trên, 01 hồ sơ người có công, 11 hồ sơ hộ tịch do công chức chưa trả trên hệ thống máy; Phúc Xá: 31 hồ sơ LĐT BXH đã trả kết quả công dân, chưa kết thúc trên hệ thống; 10 hồ sơ TPHT: Đã trả kết quả công dân, chưa thực hiện kết thúc trên hệ thống.

¹⁷ Vĩnh Phúc: 05 hồ sơ: (3 hồ sơ chuyển mục đích đất, 2 hồ sơ cấp GCN quyền sở hữu đất) của phòng TNMT do không thực hiện xử lý trên phần mềm, chưa đến hạn trả công dân; Điện Biên: 07 hồ sơ LĐT BXH không đủ đk giải quyết hệ thống báo đó; Phúc Xá 35 hồ sơ: 3 Hồ sơ LĐT BXH (hồ sơ bảo trợ xã hội liên thông với thành phố); 32 ĐCXĐ: Đối với hồ sơ xin cấp GCN QSHNÓ và QSĐỒ trên hệ thống phần mềm còn thiếu thời gian là 15 ngày nếm yết theo quy định chính vì vậy dẫn đến hồ sơ bị xử lý chậm muộn, một số hồ sơ đã được cán bộ UB phường xử lý và chuyển lên quận và đang chờ duyệt; Trúc Bạch: 1 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quá hạn do đang yêu cầu bổ sung hồ sơ.

¹⁸ Thông báo số 120/TB-UBND ngày 25/5/2020.

¹⁹ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/4/2020.

Thực hiện Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 11/10/2019 của UBND quận triển khai Chỉ số đánh giá kết quả công tác CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn thuộc quận, ngày 06/3/2020, UBND quận đã công bố kết quả Chỉ số²⁰. Qua kết quả đánh giá, các phòng chuyên môn đã thực hiện tốt các nhiệm vụ trong công tác CCHC như công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức thực hiện các VBQPPL, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

UBND quận thường xuyên giao cho các cơ quan, đơn vị rà soát chức năng nhiệm vụ theo quy định của Trung ương và Thành phố để kịp thời có kiến nghị điều chỉnh phù hợp giữa quy định và thực tiễn quản lý ở cơ sở.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố, Quận ủy, UBND quận đã xây dựng và thực hiện Đề án sáp nhập Trường Mẫu giáo Sơn Ca vào trường Mầm non 1/6 và Trường Mẫu giáo Mầm non A trên địa bàn phường Điện Biên, quận Ba Đình²¹ (*giảm 01 trường đơn vị*). Tính đến nay, UBND quận Ba Đình có tổng số 83 đơn vị trực thuộc (*Phòng chuyên môn: 13, phường: 14, trường học: 49, đơn vị sự nghiệp khác: 7*). Đồng thời, UBND quận giao các phòng chuyên môn xây dựng Đề án sáp nhập 3 BQL chợ thành BQL chợ quận Ba Đình và sáp nhập Trường Thể thao thiếu niên 10-10 vào Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao theo yêu cầu tại Công văn số 1206/UBND-SNV ngày 10/4/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả; UBND quận đã có văn bản báo cáo Ban Thường vụ Quận ủy về việc tổ chức lại Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao Ba Đình trên cơ sở sáp nhập trường Thể thao thiếu niên 10-10 vào Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao Ba Đình²².

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”, Quận thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, công chức, viên chức các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, UBND các phường đảm bảo đúng quy trình, quy định, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình từ khâu rà soát, đánh giá đến bổ sung quy hoạch, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, khách quan, công khai, các chức danh quy hoạch đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực thực tiễn và hệ số quy hoạch. Trong 9 tháng đầu năm 2020, UBND quận đã thực hiện bổ nhiệm: 13 trường hợp; bổ nhiệm lại: 09 trường hợp;

²⁰ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 06/3/2020.

²¹ Đề án số 1160/ĐA-UBND ngày 16/7/2020. Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 03/8/2020.

²² Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/8/2020

miễn nhiệm 05 Chủ tịch UBND phường, 02 Phó Chủ tịch UBND phường và phê chuẩn kết quả 06 Chủ tịch UBND phường; 04 Phó Chủ tịch UBND phường).

Thực hiện nghiêm túc Đề án 21-ĐA/TU ngày 16/9/2019 của Thành ủy Hà Nội về “sắp xếp, bố trí kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Quyết định số 5241/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Đề án tiếp tục kiện toàn thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập, đặt tên và đổi tên thôn, tổ dân phố; UBND quận đã chỉ đạo UBND 14 phường thực hiện điều chỉnh, sáp nhập 380 tổ dân phố thành 216 tổ dân phố (giữ nguyên 80 tổ dân phố và sáp nhập 300 tổ thành 136 tổ dân phố mới). Đến nay, 14 phường hoàn thành bầu cử Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác CCHC. Hàng năm, Quận ủy – UBND quận tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Trong đó có bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác CCHC cho đội ngũ cán bộ tham mưu về công tác CCHC²³; ngoài ra thường xuyên động viên công chức, viên chức tự tham gia đào tạo nâng cao trình độ kiến thức QLNN, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. UBND quận đã cử 9 lượt cán bộ là Trưởng, Phó Trưởng phòng, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý theo Kế hoạch của Thành phố²⁴.

Trên cơ sở quy định của Trung ương, Thành phố, Quận chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện việc đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định đảm bảo công tâm, khách quan, chính xác, đánh giá đúng năng lực cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, theo đó làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại hạn chế của cán bộ, công chức, viên chức và đề xuất phương hướng khắc phục. Đồng thời, gắn kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên, công chức, viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách của người lao động.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của BTV Thành ủy Hà Nội tại Quyết định 3814-QĐ/TU ngày 16/5/2018 về ban hành khung tiêu chí đánh giá hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội, Quyết định 1851-QĐ/QU ngày 27/6/2018 của Quận ủy Ba Đình ban hành quy định về đánh giá, xếp loại hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị quận Ba Đình. Qua đó đã góp

²³ UBND quận đã ban hành 16/28 lớp tập huấn trong năm 2020.

²⁴ 10 Trưởng, Phó Trưởng phòng tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đối với cấp phòng và tương đương thuộc thành phố Hà Nội; 10 Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường tham dự Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đối với Chủ tịch, PCT UBND xã, phường, thị trấn.

phần nâng cao trách nhiệm, chất lượng đội ngũ trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ CBCCVC, kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng cao, đánh giá thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng CBCCVC. Kết quả trung bình trong 5 tháng đầu năm 2020: HTXS NV (9,3%), HTTNV (86,76%), HTNV (1.34%), Không HTNV (0,1%), Không thực hiện đánh giá (2,5%). Bên cạnh đó, UBND quận thực hiện nghiêm việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của Trưởng phòng chuyên môn, Chủ tịch UBND phường định kỳ hàng quý. Kết quả quý I/2020: Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 20/26 đồng chí Trưởng phòng, Chủ tịch, không đánh giá 06 đồng chí (giao phụ trách đơn vị, mới bầu, bổ nhiệm).

UBND quận tập trung chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP. 9 tháng năm 2020, UBND quận đã thực hiện giải quyết tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP đối với 05 trường hợp²⁵; Khối quản lý nhà nước cấp quận đã thực hiện giao biên chế công chức giảm từ 130 công chức giảm xuống 126²⁶, giảm 01 công chức và 13 Hợp đồng lao động định mức thuộc Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận và giảm 03 Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của Thành phố, UBND quận đã đăng ký, cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đội ngũ giáo viên: Mầm non, Tiểu học, THCS; rà soát, đăng ký cử công chức dự thi nâng ngạch công chức hành chính năm 2020²⁷. Hoàn thành việc triển khai thực hiện Kế hoạch xét tuyển đặc cách đối với giáo viên ký hợp đồng trước năm 2015 theo yêu cầu của Thành phố; Kết quả đã tuyển dụng được 38 giáo viên (đạt 84,4% so với số lượng đăng ký).

5. Cải cách tài chính công

Ngày 04/02/2020, UBND quận đã ban hành Chương trình hành động số 138/CTr-UBND về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020. Theo đó, năm 2020, Quận tập trung triển khai thực hiện 26 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận. Để hoàn thành các chỉ tiêu, quận triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả chủ đề công tác năm 2020 “Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp”. Tập trung triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ Thành phố và Quận ủy đề ra, trọng tâm là công tác chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, kết hợp CCHC, quy trình xử lý công việc đã từng bước được chuẩn hóa theo hướng: khoa học, phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân; nhờ đó chất lượng, hiệu quả công việc tại các

²⁵ 01 công chức quận là Phó Trưởng phòng LĐT BXH, 01 viên chức BQL chợ số 02 và 01 Giáo viên Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; 02 Giáo viên Trường THCS Hoàng Hoa Thám.

²⁶ Văn phòng HĐND và UBND: 01; Phòng Quản lý đô thị: 02; phòng Y tế: 01.

²⁷ Công văn số 334/UBND-NV ngày 10/3/2020; Công văn số 696/UBND-NV ngày 07/5/2020.

phòng, ban, đơn vị, UBND phường được nâng lên, thời gian giải quyết công việc rút ngắn, góp phần không nhỏ trong công tác CCHC, sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước cải thiện thu nhập của cán bộ, công chức. Việc thực hiện cơ chế khoán kinh phí đã tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, tạo động lực để cán bộ, công chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng mục tiêu của Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ. Cơ chế tự chủ đã tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; yêu cầu về công khai, minh bạch trong tổ chức sắp xếp công việc, nhân sự, chi tiêu tài chính được thực hiện; tạo không khí đoàn kết, phấn khởi trong nội bộ đơn vị, thu nhập bình quân của người lao động từng bước được cải thiện.

Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị tại các đơn vị được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định của Trung ương và Thành phố. Thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung đối với những hàng hoá dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo quy định của Thành phố.

Nghiêm túc thực hiện việc tổ chức quán triệt và triển khai nghị quyết của Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng trong việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn. UBND quận đã giao các đơn vị đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào ngân sách, phân bổ dự toán chi sát với nhiệm vụ được giao. Đồng thời, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực chi thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản, khai thác sử dụng tài nguyên, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, tài sản công và sử dụng lao động, thời gian lao động góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của quận.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành đảm bảo đồng bộ, hiệu quả; 100% các văn bản các tài liệu (*trừ các văn bản không chuyển qua mạng theo quy định*) trao đổi nội bộ các cơ quan đơn vị thuộc quận được thực hiện cơ bản dưới dạng điện tử.

UBND quận đã ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn quận Ba Đình. Theo đó, UBND quận yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nâng cao vai trò, trách nhiệm trong thực hiện ứng dụng CNTT phục vụ quản lý điều hành tại cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng và hiệu quả ứng dụng CNTT trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC. Công tác triển khai ứng dụng CNTT và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã được UBND quận chỉ đạo quyết liệt, kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện. Tăng cường công tác tuyên truyền về dịch

công trực tuyến mức độ 3, 4 bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú để người dân tiếp cận thuận lợi nhất.

Thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố, UBND quận đã thành lập BCD và Tổ Thư ký xây dựng, áp dụng duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại quận Ba Đình²⁸; đồng thời đã giao phòng Kinh tế tổ chức đào tạo đánh giá viên nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đối với đối tượng là lãnh đạo các phòng chuyên môn, UBND các phường, công chức được giao tham mưu công tác ISO của các phòng chuyên môn và UBND các phường; hướng dẫn UBND các phường thực hiện hoạt động công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Theo đó, UBND các phường sẽ hoàn thành việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 xong trước ngày 15/10/2020.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Kết quả thực hiện công tác CCHC và năm chủ đề công tác 2020 “*Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp*”, UBND quận đã chỉ đạo quyết liệt, kịp thời các đơn vị thuộc quận thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao và các quy định của pháp luật; Đồng thời quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử; tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức, hành động nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

Công tác CCHC của quận đã có những chuyển biến tích cực, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá; thường xuyên đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo nguyên tắc 5 rõ “*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ hiệu quả*” gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; tiếp tục hoàn thiện quy trình nội bộ trong giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị thuộc quận. Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND quận; thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp quận, cấp phường trên tất cả các lĩnh vực đảm bảo kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Triển khai đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng góp phần nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kỷ luật kỷ cương hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và phục vụ công tác CCHC, tiếp nhận và triển khai có hiệu quả dịch vụ công mức độ 3, 4 cấp quận, cấp phường và phần mềm điện tử “Một cửa” dùng chung 3 cấp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cụ thể như:

- Một số đơn vị còn chưa thực sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị.

- Công tác tuyên truyền về CCHC đã được triển khai thường xuyên nhưng hiệu quả chưa cao, mặc dù tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (online) đạt cao nhưng tỷ lệ người dân trực tiếp sử dụng dịch vụ công mức độ 3 đạt khoảng 70%.

²⁸ Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 13/7/2020.

- Sự phối hợp giữa một số đơn vị trong quá trình giải quyết các hồ sơ hành chính liên thông của tổ chức, cá nhân thiếu đồng bộ dẫn đến thời gian giải quyết theo quy trình chưa đảm bảo, chất lượng chưa cao; Việc bổ sung, hoàn thiện quy trình giải quyết công việc trong nội bộ một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự được quan tâm.

- Trong quá trình thực thi công vụ, vẫn còn một số ít công chức, viên chức, LĐHH chưa thực sự đáp ứng sự hài lòng của tổ chức, công dân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 9 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 15/01/2020 của UBND quận về Thực hiện công tác CCHC năm 2020, trong đó tập trung một số nhiệm vụ:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trong công tác CCHC gắn với thực hiện chủ đề công tác năm 2020 “Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015-2020 và tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp”. Thường xuyên tổ chức giao ban về công tác CCHC để kịp thời tổng hợp kết quả tổ chức thực hiện theo chỉ tiêu, tiến độ đã đề ra trong kế hoạch, đồng thời rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế, tồn tại.

2. Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân. Nâng cao chất lượng các nội dung, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, tổ chức trên địa bàn đặc biệt là việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã được triển khai; nêu gương cá nhân, tổ chức làm tốt công tác CCHC; Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử của quận đảm bảo kịp thời, đầy đủ, thuận tiện trong tra cứu thông tin;

3. Tổ chức có hiệu quả các buổi tiếp xúc, đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC theo quy định tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp thu đầy đủ và xử lý, phúc đáp kịp thời, giải trình theo quy định các phản ánh, kiến nghị, góp ý, yêu cầu từ tổ chức, công dân. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các TTHC, cắt giảm các loại giấy tờ không cần thiết, giảm thời gian giải quyết hồ sơ hành chính, tiết giảm đến mức thấp nhất chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

4. Phấn đấu giải quyết 100% hồ sơ đúng hạn và trước hạn, không để hồ sơ quá hạn; không để tình trạng hồ sơ đã trả công dân nhưng không kết thúc xử lý trên phần mềm. Đồng thời giải quyết kịp thời, dứt điểm những phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến các quy định hành chính hoặc TTHC.

5. Hoàn thành Đề án thực hiện sáp nhập Trường Thể thao thiếu niên 10-10 vào Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao; Sáp nhập 3 BQL chợ thành 1 BQL chợ theo yêu cầu của Thành phố.

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao năng lực, kỹ năng giao tiếp, thái độ ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tiếp dân; tiếp nhận

và giải quyết TTHC tại các cơ quan hành chính; đổi mới phương thức đánh giá gắn với hiệu quả công việc; tăng cường công tác kiểm tra công vụ việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; qua đó khen thưởng, động viên kịp thời những gương điển hình tiên tiến, “Người tốt, việc tốt”, những cá nhân, tập thể có sáng kiến kinh nghiệm áp dụng hiệu quả trong công việc; xử lý nghiêm những trường hợp tiêu cực, những nhiễu, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa ứng xử.

7. Thực hiện có hiệu quả cơ chế khoán kinh phí hành chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc quận, đảm bảo tiết kiệm chống lãng phí, có các biện pháp nâng cao đời sống vật chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

8. Tiếp tục nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công mức độ 3, 4.

9. Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá Chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND các phường.

10. Đẩy nhanh việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 theo chỉ đạo của UBND quận.

11. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi vị trí công tác làm việc người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và phân công lại vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có thời hạn theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

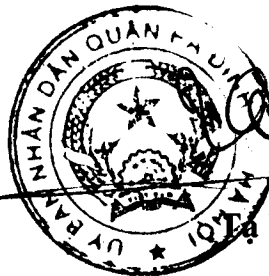
12. Đầu tư trang thiết bị, cải tạo trụ sở làm việc, đặc biệt là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính đảm bảo thống nhất, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn quận Ba Đình 9 tháng đầu năm 2020 và phương hướng 3 tháng cuối năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ Thành phố;
- TT Quận ủy – TT HĐND quận;
- Các Đ/c PCT UBND quận;
- Các phòng chuyên môn;
- UBND 14 phường;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tạ Nam Chiến



PHỤ LỤC I

BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 9 THÁNG NĂM 2020 CỦA UBND QUẬN BA ĐÌNH

(theo Báo cáo số 398 /BC-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của UBND quận Ba Đình)

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC):			
1	Về Kế hoạch CCHC:			
-	Ban hành Kế hoạch CCHC	Có	Kế hoạch	18/KH-UBND ngày 15/01/2020
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	32	Nhiệm vụ/đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	17	Nhiệm vụ/đơn vị	<ol style="list-style-type: none"> 1. UBND quận đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng, ban hành và triển khai KH CCHC năm 2020; 2. Các báo cáo định kỳ được nộp đúng nội dung và thời gian quy định; 3. Tất cả người đứng đầu cơ quan hành chính trực tiếp phụ trách công tác CCHC; 4. Đã xây dựng KH kiểm tra công tác CCHC, các đơn vị thường xuyên tự kiểm tra, rà soát 5. Hàng quý đều tổ chức các Đoàn kiểm tra công vụ theo Kế hoạch và đột xuất; 6. 100% các DVC trực tuyến cấp quận và phường đều được triển khai theo chỉ đạo của Thành phố; 7. 100% các TTHC được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 8. 100% được niêm yết công khai, minh bạch; 9. 100% các kiến nghị đều được giải quyết kịp thời, đúng thời gian. 10. 100% công chức 1 cửa đảm bảo tiêu chuẩn; 11. Các cơ quan, đơn vị đều được rà soát, kiện toàn; 12. Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế; 13. CBCC được bố trí đúng VTVL; 14. 100% đơn vị thực hiện nghiêm túc đánh giá hằng tháng; 15. Các kiến nghị thanh tra, kiểm tra đều được xử lý kịp thời, đúng quy định; 16. Tất cả các văn bản đều được gửi dưới dạng điện
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	53.125	%	Liệt kê các nhiệm vụ chưa hoàn thành
2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, bồi dưỡng công tác CCHC:			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành, bồi dưỡng công tác CCHC:	14	Văn bản	<p>1. Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc Thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ;</p> <p>2. Công văn số 118/UBND-NV ngày 18/01/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về kết quả giám sát thực hiện “Năm kỷ cương hành chính 2017”, gắn với thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;</p> <p>3. Công văn số 341/UBND-NV ngày 11/3/2020 về việc thực hiện rà soát, niêm yết TTHC;</p> <p>4. Công văn số 489/UBND-NV ngày 31/3/2020 về việc kiện toàn bộ phận "Một cửa" quận;</p> <p>5. Công văn số 766/UBND-NV ngày 15/5/2020 về việc kiểm tra, giải quyết phản ánh của công dân;</p> <p>6. Công văn số 488/UBND-TP ngày 31/3/2020 về Thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội về Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>7. Công văn số 595/UBND-TP ngày 20/4/2020 về Hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020;</p> <p>8. Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 17/4/2020 về tổng kết chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và quận Ba Đình giai đoạn 2016-2020</p>
-	Tổ chức các hội nghị giao ban (chuyên đề), bồi dưỡng về công tác cải cách hành chính	2	Hội nghị (lớp)	Tập huấn công tác CCHC năm 2020; Đào tạo đánh giá viên nội bộ Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015.
-	Số lượt người tham dự	120	Người	
-	Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC:			
+	Số tập thể được khen thưởng:	0	Tập thể	Lý do khen thưởng

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số cá nhân được khen thưởng:	0	Cá nhân	Lý do khen thưởng
3	Công tác kiểm tra cải cách hành chính:			
3.1	Kiểm tra công tác CCHC			
-	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC	Có	Kế hoạch	Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 21/5/2020
-	Số phòng, ban, đơn vị cấp huyện trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt:	1	Đơn vị	
-	Số lượng các xã, phường, thị trấn trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt:	3	Đơn vị	
-	Số phòng, ban, đơn vị cấp huyện được kiểm tra về CCHC	0	Đơn vị	
-	Số lượng các xã, phường, thị trấn được kiểm tra về CCHC:	0	Đơn vị	
-	Tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra so với Kế hoạch	0	%	
-	Số vấn đề phát hiện sau kiểm tra CCHC:		Vấn đề	
+	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý		Vấn đề	
+	Tỷ lệ% so với tổng số (số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tổng số vấn đề phát hiện qua qua kiểm tra x 100):	#DIV/0!	%	
+	Số CB, CC, VC được biểu dương, khen thưởng	0	Người	Lý do khen thưởng
+	Số CB, CC, VC bị xử lý trách nhiệm, hình thức xử lý:	0	Người	Lý do kỷ luật
3.2	Tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền:			
-	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận:	0	Vụ việc	
+	Khiếu nại:	0	Vụ việc	
+	Tố cáo	0	Vụ việc	
-	Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc giải quyết TTHC đã giải quyết xong:	0	Vụ việc	
+	Khiếu nại:	0	Vụ việc	
+	Tố cáo:	0	Vụ việc	
-	Số cán bộ, công chức có sai phạm, bị xử lý trách nhiệm (nếu có):	0	Người	Nêu lý do bị xử lý, hình thức xử lý: Khiển trách, cảnh cáo.....
4	Về công tác tuyên truyền CCHC			
-	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC:	Có	Kế hoạch	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/3/2020

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền:	4	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch:	3	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	75	%	
-	Số lượng hình thức tuyên truyền: (tuyên truyền trên truyền hình, báo đài, phát tờ rơi...):	3	Hình thức	- Qua các Video, Clip đăng tải qua bảng điện tử, màn hình Led tại các điểm công cộng, chung cư nhà cao tầng; - Tổ chức tọa đàm, xây dựng phóng sự; - Đăng tải nội dung tuyên truyền qua Công TTĐT quận; Zalo.
5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC			
-	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	Có	Có thực hiện (định kỳ 6 tháng): 1 lần hoặc không thực hiện	UBND quận đã ban hành Thông báo số 120/TB-UBND ngày 25/5/2020 về việc tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận; Hiện tại, chưa có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về TTHC
-	Số lượng sáng kiến (giải pháp mới) và áp dụng hiệu quả sáng kiến (giải pháp mới) trong triển khai công tác CCHC	0	Sáng kiến (giải pháp)	Nêu rõ tên các sáng kiến, giải pháp
-	Ban hành và công khai Quy trình nội bộ của huyện	Có	Công khai hoặc không công khai	Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 09/11/2018
-	Số UBND cấp xã ban hành và công khai Quy trình nội bộ	14	Đơn vị	
6	Thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao (Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn, Chương trình, Kế hoạch CCHC năm)			
-	Số nhiệm vụ được Thành phố giao	39	Nhiệm vụ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số nhiệm vụ hoàn thành	16	Nhiệm vụ	<p>1. Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 15/01/2020 về ban hành Kế hoạch CCHC năm 2020;</p> <p>2. Chủ tịch UBND quận phụ trách công tác CCHC: Thông báo số 09/TB-UBND ngày 08/02/2020 về việc phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo UBND quận;</p> <p>3. Hàng tháng, các đoàn kiểm tra công vụ đều tiến hành kiểm tra theo Kế hoạch và đột xuất;</p> <p>4. 100% các TTHC được rà soát và cập nhật (tính đến thời điểm báo cáo)</p> <p>5. 100% các TTHC được tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông (tính đến thời điểm báo cáo)</p> <p>6. 100% đơn vị đều thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm dùng chung 3 cấp (Tính đến thời điểm báo cáo);</p> <p>7. 100% các đơn vị tuân thủ quy định về chế độ báo cáo và sổ nhật ký tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>8. Công chức bộ phận 1 cửa có trình độ, kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử đúng quy định;</p> <p>9. Các cơ quan đơn vị đảm bảo đúng quy định về số lượng, cơ cấu lãnh đạo.</p> <p>10. 100% các đơn vị được rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ theo quy định;</p> <p>11. Các đơn vị thực hiện đúng quy định việc sử dụng biên chế được giao.</p> <p>12. Các đơn vị đều bố trí công chức, viên chức theo đúng VTVL.</p>
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	41.025641	%	Các chỉ tiêu còn lại đang trong quá trình hoàn thiện, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2020.
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC:			
1	Cải cách thể chế			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
1.1	Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL trên địa bàn huyện	Có	Báo cáo	Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 14/01/2020 về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2019 của UBND quận. - Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 03/3/2020 rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nhằm đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;
1.2	Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL:			
1.2.1	Tình hình triển khai và ban hành VBQPPL của Huyện và cấp xã			
-	Tổng số VBQPPL thuộc Huyện ban hành (nếu có):	0	Văn bản	
+	Nghị quyết của HĐND huyện		Văn bản	Tên số ký hiệu ban hành của VBQPPL
+	Quyết định của UBND Huyện		Văn bản	Tên số ký hiệu ban hành của VBQPPL
-	Tổng số VBQPPL của cấp xã ban hành (nếu có):	0		
+	Nghị quyết của HĐND cấp xã		Văn bản	Tên số ký hiệu ban hành của VBQPPL
+	Quyết định của UBND cấp xã		Văn bản	Tên số ký hiệu ban hành của VBQPPL
1.2.2	Rà soát VBQPPL:			
-	Triển khai rà soát, hệ thống hóa VBQPPL:	Có	Văn bản	Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2020
-	Số VBQPPL phải được rà soát trong kỳ báo cáo	0	Văn bản	
+	Được rà soát:		Văn bản	
+	Chưa được rà soát:		Văn bản	
-	Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo:	0	Văn bản	
+	Số văn bản còn hiệu lực:		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành các VBQPPL còn hiệu lực
+	Số văn bản hết hiệu lực thi hành:		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành các VBQPPL hết hiệu lực

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới:	0	Văn bản	
•	Số văn bản cần ban hành mới:		Văn bản	Dự kiến trích yếu VBQPPL Huyện ban hành mới và lý do ban hành mới
•	Số văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung và lý do của các văn bản đề nghị cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ
•	Số văn bản đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	Lý do, nội dung trích yếu VBQPPL đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ.
+	Số VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát trong kỳ báo cáo:		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung và lý do của các văn bản chưa được xử lý hoặc chưa đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ hoặc ban hành mới
-	Kết quả xử lý VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát của các kỳ trước	0	Văn bản	
+	Số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới:	0	Văn bản	
•	Số văn bản cần ban hành mới:		Văn bản	Dự kiến trích yếu VBQPPL đề nghị Thành phố ban hành mới và lý do ban hành mới
•	Số văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung và lý do của các văn bản đề nghị cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ
•	Số văn bản đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	Lý do, nội dung trích yếu VBQPPL đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ.
+	Số VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát của các kỳ trước:		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung và lý do của các văn bản chưa được xử lý hoặc chưa đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ hoặc ban hành mới
1.2.3	<i>Theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>			
-	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan:	Có	Kế hoạch	KH số 22/KH-UBND ngày 16/01/2020 kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020.

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	6	Nhiệm vụ/đơn vị	
+	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	4	Nhiệm vụ/đơn vị	
+	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	66.6666667	%	
-	Kết quả tổ chức thực hiện các VBQPPL:			
+	Số VBQPPL phải triển khai thực hiện thuộc trách nhiệm của huyện theo dõi, quản lý theo quy định:		Văn bản	Liệt kê tên các văn bản phải triển khai thực hiện
+	Số VBQPPL thuộc trách nhiệm của huyện theo dõi, quản lý đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định;		Văn bản	Liệt kê tên các văn bản đã triển khai thực hiện
+	Số vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật		Vấn đề	Liệt kê các vấn đề qua theo dõi phát hiện
+	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý:		Vấn đề	Liệt kê các vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý
+	Tỷ lệ % so với tổng số (số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tổng số vấn đề phát hiện qua theo dõi x 100):	#DIV/0!	%	
1.2.4	Tổ chức triển khai và tự kiểm tra, xử lý việc thực hiện VBQPPL			
-	Tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	Có	Văn bản	KH số 02/KH-UBND ngày 02/01/2020 kế hoạch kiểm tra và rà soát văn bản QPPL trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020; KH số 03/KH-UBND kế hoạch trọng tâm công tác tư pháp trên địa bàn quận Ba Đình năm 2020
-	Số văn bản đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL:		Văn bản	
+	Văn bản không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung của văn bản trái pháp luật
+	Sai thẩm quyền ban hành, nội dung		Văn bản	
+	Các sai khác (Sai thể thức, ký hiệu, thứ tự, ngày ban hành....)		Văn bản	
+	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung của văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật đã được xử lý hoặc đề nghị xử lý:	0	Văn bản	Nêu tên, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, trích yếu nội dung của văn bản đã được xử lý hoặc đề nghị xử lý
+	Số văn bản đã xử lý trong kỳ báo cáo	0	Văn bản	
•	Số văn bản không phải là VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
•	Số VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
+	Số văn bản của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này:	0	Văn bản	
•	Số văn bản không phải là VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
•	Số VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
1.4.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật			
-	Triển khai tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	Có	Văn bản	<p>- Kế hoạch số 01/KH- UBND ngày 02/01/2020 của UBND quận về Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn quận năm 2020;</p> <p>- Kế hoạch số 101/KH-HĐ ngày 17/4/2020 về hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận Ba Đình năm 2020</p> <p>- Công văn số 488/UBND-TP ngày 31/3/2020 về Thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội về Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>- Công văn số 595/UBND-TP ngày 20/4/2020 về Hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020</p> <p>- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 25/6/2020 về Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường” trên địa bàn Quận;</p> <p>- Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 25/6/2020 của UBND Thành phố về Tổ chức cuộc thi “Bảo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng” trên địa bàn Quận</p>
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện tuyên truyền:	21	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị đã hoàn thành	17	Nhiệm vụ/đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	80.952381	%	
-	Số lượng hình thức tuyên truyền: (tuyên truyền trên truyền hình, báo đài, phát tờ rơi...):	2	Hình thức	Tổ chức hội nghị triển khai công tác tư pháp, in 277.000 tờ gấp Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật
2	Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC):			
2.1.1	<i>Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC của Huyện (có thể nằm trong Kế hoạch kiểm soát TTHC)</i>			
-	Ban hành Kế hoạch	Có	Kế hoạch	Nằm trong Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 22/01/2020 của UBND quận công tác Kiểm soát TTHC trên địa bàn quận Ba Đình năm 2002
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	2	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	0	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	0	%	
2.1.2	<i>Kết quả rà soát</i>			
-	Số TTHC, VBQPPL rà soát theo yêu cầu của Thành phố	0	TTHC	
+	Số TTHC đã rà soát	0	TTHC	
•	Số TTHC sửa đổi		TTHC	
•	Số TTHC quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC cắt giảm		TTHC	
+	Số lượng VBQPPL được rà soát		Văn bản	
-	Số TTHC, VBQPPL rà soát theo Kế hoạch rà soát của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)	0	TTHC	
+	Số TTHC đã rà soát	0	TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi		TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm		TTHC	
+	Số lượng VBQPPL được rà soát		Văn bản	
2.2.	Kiểm soát TTHC:			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
2.2.1	<i>Kết quả đánh giá tác động quy định TTHC</i>			
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền đã được Thành phố ban hành		TTHC	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của Thành phố đã được Huyện đánh giá tác động (ĐGTD) - nếu có	0	TTHC	
+	Tổng số TTHC quy định trong Quyết định của UBND Thành phố đã được Huyện ĐGTD:	0	TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có sửa đổi, bổ sung		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD phải hủy bỏ, bãi bỏ		TTHC	
+	Tổng số TTHC quy định trong Nghị quyết của HĐND Thành phố đã được Huyện ĐGTD:	0	TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có sửa đổi, bổ sung		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD phải hủy bỏ, bãi bỏ		TTHC	
-	Tổng số VBQPPL quy định TTHC đã được Thành phố ban hành có ĐGTD của huyện	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong Quyết định của UBND Thành phố		Văn bản	
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong Nghị quyết của HĐND Thành phố		Văn bản	
2.2.2	<i>Lấy ý kiến của đơn vị kiểm soát TTHC, các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Huyện đối với dự thảo VBQPPL ban hành quy định TTHC do Thành phố ban hành (nếu có)</i>			
-	Số TTHC lấy ý kiến	0	TTHC	
+	Số TTHC quy định trong dự thảo Quyết định của UBND Thành phố		TTHC	
+	Số TTHC quy định trong dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố		TTHC	
-	Số VBQPPL có quy định về TTHC đã được lấy ý kiến	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong dự thảo Quyết định của UBND Thành phố		Văn bản	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố		Văn bản	
2.2.3	<i>Công khai về TTHC, VBQPPL có quy định về TTHC</i>			
-	Số lượng quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện và cấp xã đã được Thành phố ban hành và công khai tại huyện:	7	Quyết định	- QĐ 116/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 - QĐ 394/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 - QĐ 1367/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 - QĐ 1510/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 - QĐ 1072/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 - QĐ 1771/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 - QĐ 1902/QĐ-UBND ngày 11/5/2020
-	Số VBQPPL có quy định về TTHC đã được Thành phố ban hành, công bố, công khai tại huyện	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung		Văn bản	
+	Số VBQPPL hủy bỏ hoặc bãi bỏ không công khai		Văn bản	
-	Tổng số TTHC được quy định mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ trong các VBQPPL được công bố, công khai	0	TTHC	
+	Số TTHC quy định mới	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
+	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
+	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
+	Số TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, bãi bỏ không công khai	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
2.2.4	<i>Công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của huyện:</i>			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	223	TTHC	
+	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	223	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện)	100	%	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	93	TTHC	
+	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	93	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã)	100	%	
2.2.5	<i>Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện và xã:</i>			
-	Tổng số phản ánh, kiến nghị (PAKN) đã tiếp nhận gồm cả huyện và xã (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua)	1	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính		PAKN	
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	1	PAKN	
-	Tổng số PAKN đã xử lý xong	1	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính		PAKN	
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	1	PAKN	<i>Theo Văn bản số 1/56/UBND-KSTTHC ngày 11/5/2020 của UBND Thành phố Hà Nội</i>
+	Số PAKN tiếp nhận mới trong kỳ		PAKN	
+	Số PAKN kỳ trước chuyển qua		PAKN	
-	Tổng số PAKN đang xử lý	0	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính		PAKN	
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		PAKN	
-	Tổng số PAKN đã đăng tải công khai kết quả xử lý		PAKN	
-	Tổng số PAKN chưa đăng tải công khai kết quả xử lý		PAKN	
2.3	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:</i>			
2.3.1	<i>Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:</i>			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Quyết định thành lập/kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Có	Có hoặc không	Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/4/2020
-	Quyết định điều động, cử công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	Có	Có hoặc không	Quyết định 786/QĐ-UBND ngày 31/3/2020; Quyết định 787/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 về điều động biệt phái công chức
-	Các văn bản về công khai TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thời gian làm việc (kể cả làm việc vào buổi sáng thứ Bảy nếu có) của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của huyện và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Có	Có hoặc không	Nội quy bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC
-	Các văn bản về ban hành quy trình giải quyết TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Có	Có hoặc không	Các TTHC đều được xây dựng quy trình giải quyết theo tiêu chuẩn ISO và hằng năm được công bố lại theo quy định. Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 21/11/2017
2.3.2	<i>Về bảo đảm điều kiện cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoạt động:</i>			
-	Tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện:	5	Người	
+	Công chức:	5	Người	
+	Viên chức (nếu có)	0		
+	Số lao động hợp đồng (nếu có):	0	Người	
+	Số người làm việc chuyên trách:	4	Người	
+	Số người làm việc kiêm nhiệm:	1	Người	
+	Số người làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ:	4	Người	
+	Số người được hưởng chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của huyện (thực hiện theo Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố)	5	Người	
+	Số người được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện	5	Người	
-	Tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc Huyện:	48	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Cán bộ (Lãnh đạo UBND cấp xã)	14	Người	
+	Công chức:	34	Người	
+	Số lao động hợp đồng (nếu có):	0	Người	
+	Số người làm việc chuyên trách:	34	Người	
+	Số người làm việc kiêm nhiệm:	14	Người	
+	Số người làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ:	48	Người	
+	Số người được hưởng chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của các xã thuộc Huyện (thực hiện theo Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố):	48	Người	
+	Đạt tỷ lệ so với tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc huyện	100	%	
+	Số người được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	48	Người	
+	Đạt tỷ lệ số người được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ so với tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc huyện	100	%	
-	Địa điểm làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Huyện và các xã trực thuộc			
+	Diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện từ 80m ² trở lên	Có	Có hoặc không	Diện tích 165m ²
+	Số xã có diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từ 40m ² trở lên	7	Đơn vị	
+	Số xã có diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả dưới 40m ²	7	Đơn vị	Đội Cấn: 25m ² , Nguyễn Trung Trực: 35m ² , Thành Công: 36m ² , Phúc Xá: 30m ² , Ngọc Hà: 35m ² , Ngọc Khánh: 35m ² , Giảng Võ: 35m ² .
+	Số xã bố trí Bộ phận một cửa tiếp nhận chung với bộ phận nghiệp vụ khác (nếu có):	0	Đơn vị	Nêu tên xã
+	Số xã đầu tư cải tạo, xây dựng Bộ phận một cửa và mới đưa vào sử dụng trong năm:	2	Đơn vị	Thành Công; Trúc Bạch
-	Trang thiết bị tối thiểu hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại huyện	Có		

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Máy photocoopy còn hoạt động tốt	1	Chiếc	
+	Máy in hai mặt lật giấy tự động còn hoạt động tốt	3	Chiếc	
+	Máy tính có kết nối mạng còn hoạt động tốt (Mỗi người một máy tính)	5	Chiếc	
+	Máy Fax còn hoạt động tốt	0	Chiếc	Số máy fax:
+	Máy scan hai mặt tốc độ cao còn hoạt động tốt	3	Chiếc	
+	Điện thoại cố định nghe gọi tốt	1	Chiếc	
+	Camera giám sát tại Bộ phận một cửa còn hoạt động tốt	9	Chiếc	
+	Bàn làm việc sử dụng tốt	10	Chiếc	
+	Ghế làm việc sử dụng tốt	10	Chiếc	
+	Bàn viết hồ sơ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	2	Chiếc	
+	Ghế ngồi chờ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	26	Chiếc	
+	Bút viết để quầy phục vụ cho công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	20	Chiếc	
+	Máy điều hòa nhiệt độ hoạt động tốt	1	Chiếc	Điều hòa tổng của tòa nhà
+	Quạt điện hoạt động tốt		Chiếc	
+	Hệ thống bảng, biển thông báo; hòm thư góp ý; sổ góp ý được bố trí ở nơi thuận tiện, dễ tiếp cận, theo dõi	Có	Đủ hoặc chưa đủ	
-	Tổng số xã có trang thiết bị tối thiểu hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	14	Đơn vị	Ghi tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 14
+	Số xã có máy photocoopy còn hoạt động tốt	9	Đơn vị	Không có: Điện Biên, Liễu Giai, Ngọc Hà, Nguyễn Trung Trực; Phúc Xá;
+	Số xã có máy in hai mặt lật giấy tự động còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ máy tính cho mỗi người làm việc tại Bộ phận một cửa có kết nối mạng còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có máy Fax còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có máy scan hai mặt tốc độ cao còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có điện thoại cố định nghe gọi tốt	14	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số xã có camera giám sát tại Bộ phận một cửa còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ bàn làm việc sử dụng tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ ghế làm việc sử dụng tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí bàn viết hồ sơ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí ghế ngồi chờ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí bút viết để quầy phục vụ cho công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có máy điều hòa nhiệt độ hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí quạt điện hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí hệ thống bảng, biển thông báo; hòm thư góp ý; sổ góp ý đầy đủ, vị trí hợp lý, dễ tiếp cận, theo dõi	14	Đơn vị	
-	Trang thiết bị hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện đáp ứng yêu cầu hiện đại hoặc một phần hiện đại (nếu có)	Có		
+	Bố trí Khu vực cung cấp thông tin về thủ tục hành chính	Có	Bố trí hoặc chưa bố trí	
+	Khu vực đặt các trang thiết bị điện tử	Có	Bố trí hoặc chưa bố trí	
•	Máy lấy số xếp hàng tự động còn hoạt động tốt	1	Chiếc	
•	Màn hình đa phương tiện tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hoạt động tốt	2	Chiếc	
•	Thiết bị đọc mã vạch còn hoạt động tốt	15	Chiếc	
+	Khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau	Có	Đã chia đủ hoặc chưa chia đủ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị chuyên dụng theo quy định đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện đúng quy trình công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, theo dõi quá trình giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức; có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống máy nhắn tin kết quả giải quyết TTHC và điện thoại di động hoặc máy để bàn của khách hàng, tra cứu hồ sơ trực tuyến qua tin nhắn, qua mạng internet, nộp phí, lệ phí trực tuyến...</i>)	Có	Đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện	
+	Áp dụng phần mềm một cửa điện tử với chức năng khoa học, rõ ràng, tiện lợi, có tính tự động cao, đảm bảo các yêu cầu theo quy định.	Có	Đã áp dụng hoặc chưa áp dụng	
+	Không gian giao tiếp giữa công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với cá nhân, tổ chức đã được thiết kế hợp lý, đảm bảo giao tiếp bình đẳng, minh bạch	Có	Đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu	
+	Bố trí và có biển chỉ dẫn chỗ để xe, công trình phụ để cá nhân, tổ chức đến giao dịch được biết	Có	Đã bố trí đủ hoặc chưa bố trí đủ	
-	Tổng số xã có trang thiết bị hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đáp ứng yêu cầu hiện đại (nếu có)	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí Khu vực cung cấp thông tin về thủ tục hành chính	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có khu vực đặt các trang thiết bị điện tử	14	Đơn vị	
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có máy lấy số xếp hàng tự động còn hoạt động tốt	2	Đơn vị	
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có màn hình đa phương tiện tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có thiết bị đọc mã vạch còn hoạt động tốt	14	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có bố trí khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị chuyên dụng theo quy định đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện đúng quy trình công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, theo dõi quá trình giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức; có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống máy nhắn tin kết quả giải quyết TTHC vào điện thoại di động hoặc máy để bàn của khách hàng, tra cứu hồ sơ trực tuyến qua tin nhắn, qua mạng internet, nộp phí, lệ phí trực tuyến...</i>)	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã ứng dụng phần mềm một cửa điện tử với chức năng khoa học, rõ ràng, tiện lợi, có tính tự động cao, đảm bảo các yêu cầu theo quy định.	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí không gian giao tiếp giữa công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với cá nhân, tổ chức đã được thiết kế hợp lý, đảm bảo giao tiếp bình đẳng, minh bạch	14	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí và có biển chỉ dẫn chỗ để xe, công trình phụ để cá nhân, tổ chức đến giao dịch được biết	14	Đơn vị	
2.3.3	<i>Thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với cơ quan UBND huyện</i>			
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện:	223	TTHC	
+	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (<i>không có tính liên thông</i>)	223	TTHC	
+	Số TTHC có tính liên thông cùng cấp, giữa các cấp chính quyền	223	TTHC	
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	223	TTHC	
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền		TTHC	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức phối kết hợp liên thông cùng cấp và giữa các cấp chính quyền		TTHC	
+	Số TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại bộ phận một cửa:	223	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện và đơn vị trực thuộc)	100	%	Nêu tên TTHC và lý do chưa thực hiện 100% TTHC ra thực hiện cơ chế một cửa (<i>Trường hợp chưa đạt 100% số TTHC</i>)
+	Số TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại bộ phận một cửa:	223	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện và đơn vị trực thuộc)	100	%	Nêu tên TTHC và lý do chưa thực hiện 100% TTHC ra thực hiện cơ chế một cửa liên thông (<i>Trường hợp chưa đạt 100% số TTHC</i>)
+	Số TTHC do phòng, ban chuyên môn trực tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả	0	TTHC	
-	Tổng số TTHC được ban hành quy trình giải quyết TTHC tại Huyện:	223	TTHC	
+	Số TTHC đã được ban hành quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa:		TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa)	0	%	
+	Số TTHC đã được xây dựng quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	223	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông)	100	%	
-	Thực hiện công khai trong giải quyết TTHC:			
+	Về công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
+	Về công khai TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC:	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
+	Thực hiện các quy định về biểu mẫu, sổ sách theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
2.3.4	Thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với UBND cấp xã			
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	14	Đơn vị	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của các xã, phường, thị trấn	93	TTHC	
+	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (không có tính liên thông)	93	TTHC	
+	Số TTHC cấp xã có tính liên thông cùng cấp, giữa các cấp chính quyền	60	TTHC	
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0	TTHC	
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	60	TTHC	
+	Số xã có 100% TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại bộ phận một cửa:	14	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc Huyện)	100	%	
+	Số xã đã ban hành quy trình giải quyết đối với tất cả các TTHC theo cơ chế một cửa:	14	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã)	100	%	
+	Số xã đã ban hành quy trình giải quyết đối với tất cả các TTHC theo cơ chế một cửa liên thông	14	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã)	100	%	
-	Thực hiện công khai trong giải quyết TTHC			
+	Số xã thực hiện đúng, đầy đủ công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện đúng, đầy đủ công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	0	Đơn vị	
+	Số xã thực hiện công khai đúng, đầy đủ TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC	14	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số xã chưa thực hiện công khai đúng, đầy đủ TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC	0	Đơn vị	
+	Số xã thực hiện đúng đầy đủ các quy định về biểu mẫu, sổ sách trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện đúng đầy đủ các quy định về biểu mẫu, sổ sách trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	0	Đơn vị	
2.3.5	<i>Kết quả tiếp nhận và trả hồ sơ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) tại UBND huyện:</i>			
-	Tổng số Hồ sơ hành chính tiếp nhận:	7372	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận trực tuyến (mức độ 3, 4)	2904	Hồ sơ	
+	Số kỳ trước chuyển qua	84	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện)	4384	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	7211	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	7211	Hồ sơ	
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	3994		
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	3217	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	100	%	
+	Trả quá hạn	0	Hồ sơ	
•	Trả quá hạn qua hình thức thông thường			
•	Trong đó trả quá hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4		Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0	%	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết	161	Hồ sơ	
+	Chưa đến hạn	161	Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	459	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	459	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	100	%	
+	Trả quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0	%	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0	Hồ sơ	
2.3.6	<i>Kết quả tiếp nhận và trả hồ sơ giải quyết TTHC từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) tại cấp xã:</i>			
-	Tổng số Hồ sơ hành chính tiếp nhận:	51378	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận trực tuyến (mức độ 3, 4)	8839	Hồ sơ	
+	Số kỳ trước chuyển qua	2843	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện)	39696	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	51195	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	51052	Hồ sơ	
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	42244		
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	8808	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99.7206758	%	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Trả quá hạn	143	Hồ sơ	<p>- Công Vụ: 31 hồ sơ Lĩnh vực TP-HT do thao tác nhầm trên phần mềm; do quận đang xử lý chưa chuyển về phường.</p> <p>- Điện Biên: 23 hồ sơ giải quyết và trả cho công dân trên thực tế đúng hạn, nhưng do lỗi đường truyền nên không trả trên hệ thống được</p> <p>- Đội Cán 29: 10 hồ sơ lĩnh vực TP-HT do thao tác còn lúng túng, chưa cập nhật ngay khi có kết quả; 19 hồ sơ lĩnh vực LĐTĐXH liên thông cấp quận, phường đã xử lý đúng thời gian quy định</p> <p>- Giảng Võ 19 hồ sơ: 07 hồ sơ Bảo trợ xã hội do lỗi phần mềm cập nhật ngày giờ giao hồ sơ giữa bộ phận chuyên môn với cấp trên, 01 hồ sơ người có công, 11 hồ sơ hộ tịch do công chức chưa trả trên hệ thống máy.</p> <p>- Phúc Xá 41 hồ sơ: 31 hồ sơ LĐTĐXH: đã trả kết quả công dân, chưa kết thúc trên hệ thống; 10 hồ sơ TPHT: Đã trả kết quả công dân, chưa thực hiện kết thúc trên hệ thống</p>
•	Trả quá hạn qua hình thức thông thường	103		
•	Trong đó, trả quá hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	40	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0.27932415	%	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết	148	Hồ sơ	238
+	Chưa đến hạn	100	Hồ sơ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Quá hạn	48	Hồ sơ	<p>- Vinh Phúc 05 hồ sơ: 5 hồ sơ (3 hồ sơ chuyển mục đích đất, 2 hồ sơ cấp GCN quyền sở hữu đất của phòng TNMT do không thực hiện xử lý trên phần mềm, chưa đến hạn trả công dân)</p> <p>- Điện Biên: 07 hồ sơ LĐTBOXH không đủ đk giải quyết hệ thống báo đồ</p> <p>-Phúc Xá 35 hồ sơ: 3 Hồ sơ LĐTBOXH (hồ sơ bảo trợ xã hội liên thông với thành phố); 32 ĐCXĐ: Đối với hồ sơ xin cấp GCN QSHNỞ và QSĐĐỒ trên hệ thống phần mềm còn thiếu thời gian là 15 ngày nếm yết theo quy định chính vì vậy dẫn đến hồ sơ bị xử lý chậm muộn, một số hồ sơ đã được cán bộ UB phường xử lý và chuyển lên quận và đang chờ duyệt .</p> <p>- Trúc Bạch: 1 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quá hạn do đang yêu cầu bổ sung hồ sơ</p>
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	51195	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	51052	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99.7206758	%	
+	Trả quá hạn	143	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0.27932415	%	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		Hồ sơ	183 (Ồ C274 không nhập được trên 100 hồ sơ)
2.3.7	<i>Thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định đối với hồ sơ giải quyết quá hạn, hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết do lỗi tiếp nhận của công chức thụ lý hồ sơ</i>			
-	Huyện đã thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
-	Số xã thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	14	Đơn vị	
-	Số xã chưa thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	0	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tỷ lệ % số xã thực hiện gửi thư xin lỗi	100	%	
2.3.8	Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan UBND huyện	100	%	
2.3.9	Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của chính quyền cấp xã	100	%	
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:			
3.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của huyện và các đơn vị trực thuộc			
-	Tổng số phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc huyện:	0	Đơn vị	
+	Thành lập mới	0	Đơn vị	
+	Tổ chức lại (sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ...):	0	Đơn vị	
+	Giải thể	0	Đơn vị	
-	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện	3	Đơn vị	
+	Thành lập mới:	0	Đơn vị	
+	Tổ chức lại (sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ...):	3	Đơn vị	Sáp nhập trường Mậu giao Sơn ca vào trường Mầm non 1/6 và Trường Mầm non A (Quyết định số
+	Giải thể:		Đơn vị	
3.2	Thực hiện quy định về cơ cấu lãnh đạo của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện			
-	Cơ cấu lãnh đạo của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc huyện thực hiện đúng quy định và hiện có	Có	Đúng hoặc không đúng	
-	Cơ cấu lãnh đạo của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện thực hiện đúng quy định và hiện có	Có	Đúng hoặc không đúng	
3.3	Biên chế quản lý nhà nước:			
-	Số biên chế hành chính được giao:	170	Biên chế	
-	Số biên chế hành chính có mặt đến thời điểm báo cáo:	156	Biên chế	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn (nếu có) đến thời điểm báo cáo	1	Hợp đồng	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đến thời điểm báo cáo	11	Hợp đồng	
-	Số biên chế hành chính thừa so với số biên chế hành chính được giao	0	Biên chế	
-	Số lượng người làm việc được giao trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	2447	Người	
-	Số lượng người làm việc hiện có trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đến thời điểm báo cáo	2111	Người	
-	Số lượng người làm việc hiện có nhiều hơn số người làm việc được giao trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đến thời điểm báo cáo	0	Người	
3.4	Về thực hiện phân cấp quản lý:			
-	Thực hiện các quy định của Chính phủ, bộ ngành về phân cấp được thực hiện trên địa bàn huyện	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
-	Thực hiện quy định của Thành phố về phân cấp trên địa bàn huyện	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
4	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:			
4.1.	Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:			
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	13	Đơn vị	
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện chưa bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0	Đơn vị	
-	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt:	56	Đơn vị	Giảm 01 đơn vị so với báo cáo 6 tháng
-	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc huyện chưa bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt:	0	Đơn vị	
-	Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:	0	Vấn đề	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
4.2.	Thống kê chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức(tính đến thời điểm báo cáo):			
-	Tổng số người trong phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND huyện	156	Người	
+	Nam	89	Người	
+	Nữ	67	Người	
+	Đảng viên	128	Người	
+	Dân tộc thiểu số	0	Người	
+	Tôn giáo		Người	
-	Công chức	156	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	1	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:	11	Người	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	19	Người	
-	Chuyên viên và tương đương	122	Người	
-	Cán sự và tương đương	15	Người	
-	Nhân viên		Người	
-	Tiến sỹ	2	Người	
-	Thạc sỹ	39	Người	
-	Đại học	108	Người	
-	Cao đẳng	0	Người	
-	Trung cấp	7	Người	
-	Sơ cấp		Người	
-	Cử nhân chính trị		Người	
-	Cao cấp lý luận chính trị	23	Người	
-	Trung cấp chính trị	85	Người	
-	Sơ cấp chính trị		Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	6	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Từ 31 đến 40 tuổi	45	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	72	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	17	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	16	Người	
4.2.	Thông kê chất lượng đội ngũ viên chức (tính đến thời điểm báo cáo):			
-	Tổng số người	2111	Người	
+	Nam	274	Người	
+	Nữ	1837	Người	
+	Đảng viên	1012	Người	
+	Dân tộc thiểu số	11	Người	
+	Tôn giáo	2	Người	
-	Viên chức	2111	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	175	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:	321	Người	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	17	Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	274	Người	
-	Chuyên viên và tương đương	842	Người	
-	Cán sự và tương đương	702	Người	
-	Nhân viên	107	Người	
-	Tiến sỹ	0	Người	
-	Thạc sỹ	109	Người	
-	Đại học	1327	Người	
-	Cao đẳng	401	Người	
-	Trung cấp	105	Người	
-	Sơ cấp		Người	
-	Cử nhân chính trị	0	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Cao cấp lý luận chính trị	15	Người	
-	Trung cấp chính trị	201	Người	
-	Sơ cấp chính trị		Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	504	Người	
-	Từ 31 đến 40 tuổi	472	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	1235	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	206	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	21	Người	
4.2.	Thống kê chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (tính đến thời điểm báo cáo):			
-	Tổng số người làm việc tại UBND cấp xã	274	Người	
+	Nam	147	Người	
+	Nữ	127	Người	
+	Đảng viên	91	Người	
+	Dân tộc thiểu số	2	Người	
+	Tôn giáo (theo một tôn giáo: Phật, Thiên chúa..)	0	Người	
-	Cán bộ qua bầu cử	128	Người	
-	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	144	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	2	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	0	Người	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử		Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn		Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	4	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	4	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	
-	Chuyên viên và tương đương	216	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	104	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	112	Người	
-	Cán sự và tương đương	9	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	0	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	9	Người	
-	Nhân viên	23	Người	
-	Tiến sỹ	2	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	2	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	
-	Thạc sỹ	14	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	10	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	4	Người	
-	Đại học	225	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	109	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	116	Người	
-	Cao đẳng	7	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	2	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	5	Người	
-	Trung cấp	24	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	5	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	19	Người	
-	Sơ cấp	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử		Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn		Người	
-	Cử nhân chính trị	1	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	1	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
-	Cao cấp lý luận chính trị	30	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	29	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	1	Người	
-	Trung cấp chính trị	162	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	89	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	73	Người	
-	Sơ cấp chính trị	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử		Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn		Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	37	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	12	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	25	Người	
-	Từ 31 đến 40 tuổi	64	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	23	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	41	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	120	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	58	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	62	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	33	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	24	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	9	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	18	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	11	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	7	Người	
4.3	Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
4.3.1	Công tác tuyển dụng			
-	Xây dựng và ban hành các Kế hoạch, văn bản tuyển dụng, thi nâng ngạch, xét thăng hạng:		Văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch 54/KH-UBND ngày 25/02/2020: Xét tuyển CHT quân sự phường; - 267/UBND-NV ngày 28/02/2020; - 334/UBND-NV ngày 10/3/2020 về việc cử Giáo viên dự thi thăng hạng từ IV lên III, từ III lên II; - 696/UBND-NV ngày 07/5/2020 về việc cử công chức nâng ngạch công chức chuyên ngành hành chính; - 813/UBND-NV ngày 22/5/2020 về việc đk chỉ tiêu tuyển dụng viên chức giáo dục; - 1509/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 v/v phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng công chức diện tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp cán bộ phường khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ phường tại quận Ba Đình năm 2020; - 1214/UBND-NV ngày 24/7/2020 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức năm 2020; 1215/UBND-NV ngày 24/7/2020 về việc đề nghị tiếp nhận công chức không qua thi tuyển; - 1713/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập quận Ba Đình năm 2020 đối với các trường hợp lao động hợp đồng làm việc giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố từ năm 2015 trở về trước; - 1427/UBND-NV ngày 21/8/2020 về đk tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2020.
		Có		
-	Kết quả tuyển dụng (trúng tuyển):	39	Người	
+	Công chức:		Người	
+	Viên chức:	38	Người	
+	Công chức cấp xã	1	Người	
+	Thanh tra xây dựng cấp huyện:		Người	
+	Thanh tra xây dựng cấp xã:		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số người được nâng ngạch, xét thăng hạng viên chức	477	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức	477	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số người được chuyển loại	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số người được chuyển ngạch	1	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	1	Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
4.3.2	<i>Thực hiện về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên lao động hợp đồng</i>			
-	Tiếp nhận, điều động:	6	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	3	Người	
+	Viên chức	1	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	2	Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Bổ nhiệm giữ vị trí lãnh đạo/phê duyệt kết quả bầu cử	19	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	2	Người	
+	Công chức	4	Người	
+	Viên chức	8	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	5	Người	
+	Bổ nhiệm lần đầu/phê duyệt kết quả bầu cử lần đầu	5	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	2	Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	3	Người	
+	Bổ nhiệm lại/tái cử	14	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	4	Người	
•	Viên chức	8	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	2	Người	
-	Luân chuyển	3	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	2	Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	1	Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
-	Biệt phái	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
-	Nghỉ hưu:	34	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	1	Người	
+	Công chức	4	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Viên chức	16	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	6	Người	
+	Công chức cấp xã	7	Người	
+	Nhân viên hợp đồng	0	Người	
+	Nghỉ hưu đến tuổi	29	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	1	Người	
•	Công chức	3	Người	
•	Viên chức	12	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	6	Người	
•	Công chức cấp xã	7	Người	
•	Nhân viên hợp đồng		Người	
+	Nghỉ hưu theo tinh giản biên chế	5	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	1	Người	
•	Viên chức	4	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
•	Nhân viên hợp đồng		Người	
-	Thôi việc	3	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	1	Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	1	Người	
+	Công chức cấp xã	1	Người	
+	Nhân viên hợp đồng		Người	
-	Tổng số người được đánh giá	2638	Người	<i>Đánh giá theo Quý. Kết quả đánh giá năm báo cáo vào Quý 1 năm sau.</i>
+	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	516	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	1	Người	
•	Công chức	35	Người	
•	Viên chức	471	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	9	Người	
+	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1878	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	6	Người	
•	Công chức	162	Người	
•	Viên chức	1373	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã	117	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	220	Người	
+	Hoàn thành nhiệm vụ	233	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	2	Người	
•	Viên chức	74	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	157	Người	
+	Không hoàn thành nhiệm vụ	11	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
•	Công chức	1	Người	Do sức khỏe
•	Viên chức	7	Người	Do sức khỏe, không đảm bảo thời gian làm việc; Kỷ luật Đảng
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	1	Người	Do bị kỷ luật Đảng viên sinh con thứ 3
•	Nhân viên hợp đồng	2	Người	Không đảm bảo thời gian làm việc
-	Kỷ luật	1	Người	
+	Khiển trách	1	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức	1	Người	Vi phạm trong công tác Quản lý tại chợ Long Biên
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
	• Công chức cấp xã		Người	
+	Cảnh cáo:	0	Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
	• Công chức		Người	
	• Viên chức		Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
	• Công chức cấp xã		Người	
+	Hạ bậc lương	0	Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
	• Công chức		Người	
	• Viên chức		Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
	• Công chức cấp xã		Người	
+	Giáng chức	0	Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
	• Công chức		Người	
	• Viên chức		Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Cách chức	0	Người	
	• Công chức		Người	
	• Viên chức		Người	
	• Công chức cấp xã		Người	
+	Bãi nhiệm	0	Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
	• Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Buộc thôi việc	0	Người	
	• Công chức		Người	
	• Viên chức		Người	
	• Công chức cấp xã		Người	
	• Nhân viên hợp đồng		Người	
4.3.3	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Có	Kế hoạch	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 03/3/2020
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị hoặc số lớp, số lượt người trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:	28	Nhiệm vụ/đơn vị/lớp/lượt người	4193 lượt học viên
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị hoặc số lớp, số lượt người đã hoàn thành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	16	Nhiệm vụ/đơn vị/lớp/lượt người	
+	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	57.1428571	%	
-	Tổng số người được đào tạo, bồi dưỡng	0	Người	
+	Số người được đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Số người được đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước	0	Người	
•	Cán bộ quan bầu cử cấp huyện	0	Người	
◻	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên		Người	
•	Công chức	0	Người	
◻	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên		Người	
◻	Cán sự và tương đương		Người	
•	Viên chức	0	Người	
◻	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
◻	Chuyên viên		Người	
◻	Cán sự và tương đương		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
▫	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên		Người	
▫	Cán sự và tương đương		Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
▫	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên		Người	
▫	Cán sự và tương đương		Người	
+	Tiến sỹ	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Thạc sỹ	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Đại học	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Cao đẳng	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Trung cấp	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
4.3.3	<i>Về công tác đổi mới quản lý cán bộ, công chức, viên chức</i>			
-	Tổng số người đạt kết quả nâng ngạch qua dự thi theo nguyên tắc cạnh tranh	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Tổng số người đạt kết quả đủ điều kiện để bổ nhiệm vào các chức vụ Trưởng phòng chuyên môn cấp huyện và tương đương trở xuống qua thi tuyển cạnh tranh (nếu có)	0	Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
+	Những đối tượng khác (<i>những người đáp ứng đủ điều kiện dự thi ngoài các đối tượng nêu trên</i>)		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số người được tuyển dụng qua thực hiện quy định thu hút người tài vào cơ quan	0	Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định:	0	Người	
+	Số cán bộ cấp xã		Người	
+	Số công chức cấp xã		Người	
5	Cải cách tài chính công:			
5.1	Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ, bộ ngành và của Thành phố:			
-	Cải cách về thu nhập, tiền lương, tiền công:		Triệu đồng	Tăng so với năm trước bao nhiêu...
-	Thực hiện các chính sách an sinh xã hội:		Triệu đồng	Về hỗ trợ về nghỉ hưu, thai sản, nghỉ mát, công đoàn, các đóng góp về ủng hộ quỹ.....
5.2.	Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính			
5.2.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014			
-	Cơ quan huyện thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Có	Văn bản	1547/UBND-TCKH ngày 13/7/2018; Quyết định 2368/QĐ-UBND ngày 18/12/2019
-	Cơ quan huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Có	Văn bản	1547/UBND-TCKH ngày 13/7/2018
-	Cơ quan huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức:	Có	Văn bản	Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-C, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	13	Đơn vị	
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức:	13	Đơn vị	
-	Số lượng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện chưa thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	0	Đơn vị	
5.2.2	<i>Tình hình về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan UBND huyện:</i>			
-	Đơn vị dự toán cấp 1 (cơ quan UBND huyện) :			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/01 biên chế/năm tại đơn vị dự toán cấp 1		Triệu đồng	
+	Tổng kinh phí được giao		Triệu đồng	
+	Tổng biên chế được giao		Biên chế	
-	Đơn vị dự toán cấp 2 (các phòng, an, đơn vị trực thuộc huyện):			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/01 biên chế/năm:	62	Triệu đồng	
+	Tổng kinh phí được giao	11656	Triệu đồng	
+	Tổng biên chế được giao	188	Biên chế	
5.2.3	<i>Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan UBND huyện</i>			
-	Đơn vị dự toán cấp 1:			
+	Số biên chế tiết kiệm được		Biên chế	
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	#DIV/0!	%	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (nếu có):		Nghìn đồng	
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức (nếu có):		Nghìn đồng	
-	Đơn vị dự toán cấp cấp 2:			
+	Số biên chế tiết kiệm được		Biên chế	
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	0	%	
+	Đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (nếu có):		Nghìn đồng	Ghi tên đơn vị có mức tăng thu nhập
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức:		Nghìn đồng	
5.2.4	<i>Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014 đối với cấp xã</i>			
-	Số đơn vị hành chính cấp xã được giao tự chủ hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014 đối với cấp xã	14	Đơn vị	
-	Sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước:			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/người/năm:	52	Triệu đồng	
+	Tổng kinh phí được giao:	17992	Triệu đồng	
-	Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ về kinh phí quản lý hành			
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	0	%	
+	Số đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần		Đơn vị	Ghi tên đơn vị có mức tăng thu nhập
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức:		Nghìn đồng	
5.3	<i>Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
-	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện	56	Đơn vị	Giảm 01 đơn vị so với báo cáo 6 tháng
+	Số các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện được giao quyền tự chủ	56	Đơn vị	
+	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công	56	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động:	56	Đơn vị	
+	Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập chưa thực hiện cơ chế tự chủ	0	Đơn vị	
-	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo) - nếu có	0	Đơn vị	
-	Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ			
+	Tổng quỹ tiền lương:		Triệu đồng	
+	Tổng thu nhập tăng thêm:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với tổng quỹ tiền lương:	#DIV/0!	%	
+	Số đơn vị có thu nhập tăng thêm:		Đơn vị	Nêu tên đơn vị và số tiền tăng thêm là bao nhiêu
+	Số đơn vị có kinh phí tiết kiệm được từ nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ:		Đơn vị	Nêu tên đơn vị và số tiền tăng thêm là bao nhiêu
6	Hiện đại hóa hành chính:			
6.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại huyện			
6.1.1	Xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan			
-	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Có	Kế hoạch	Kế hoạch 98/KH-UBND ngày 03/4/2020
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	6	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	4	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	66.6666667	%	
6.1.2	Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và giải quyết TTHC:			
-	Tổng số người được trang bị máy tính (gồm cả máy tính để bàn và xách tay) có kết nối internet và đáp ứng cơ bản công việc (soạn thảo, truyền file, email, xử lý văn bản trực tuyến..)	412	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Cán bộ, Công chức	164	Người	
+	Viên chức	219	Người	
+	Nhân viên hợp đồng	29	Người	
-	Đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	Có	Đáp ứng hoặc chưa đáp ứng	
-	Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của huyện với các cơ quan Đảng thuộc Huyện, Thành phố	Có	Đã kết nối hoặc chưa kết nối	
6.1.2	<i>Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và giải quyết TTHC tại cấp xã</i>			
-	Tổng số đơn vị cấp xã được trang bị máy tính (gồm cả máy tính để bàn và xách tay)	14	Đơn vị	
+	Số xã đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do
+	Đạt tỷ lệ số xã đáp ứng 1 máy tính/1 công chức (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	100	%	
-	Số xã có máy tính có kết nối Internet băng thông rộng (xDSL)	14	Đơn vị	
+	Đạt tỷ lệ (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	100	%	
-	Số xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của xã với các cơ quan Đảng thuộc Huyện	14	Đơn vị	
-	Số xã chưa kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của xã với các cơ quan Đảng thuộc Huyện	0	Đơn vị	
+	Đạt tỷ lệ số xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	100	%	
6.1.3	<i>Thông kê phần mềm cơ quan UBND huyện đang sử dụng:</i>			
-	Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng	Có	Hoạt động tốt	
+	Khả năng kết nối, đồng bộ xử lý giữa UBND huyện với UBND Thành phố	Có	Hoạt động tốt	
+	Quản lý văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan	Có	Hoạt động tốt	
+	Quản lý văn bản đi/đến với các cơ quan bên ngoài	Có	Hoạt động tốt	
-	Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Có	Hoạt động tốt	Phần mềm quản lý hồ sơ hành chính một cửa điện tử cấp quận

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Khả năng liên thông theo chiều ngang của phần mềm (giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện)	Có	Hoạt động tốt	
+	Khả năng liên thông theo chiều dọc		Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Hệ thống cho phép tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ..	Có	Hoạt động tốt	
•	Quan hệ thống màn hình cảm ứng tại trụ huyện cơ quan	Không	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	
•	Qua Internet	Có	Hoạt động tốt	
•	Qua tin nhắn SMS (điện thoại di động)	Có	Hoạt động tốt	Đối với các TTHC đã triển khai DVC mức độ 3, 4
•	Qua hình thức khác	Không	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	
+	Trang thông tin tra cứu hồ sơ một cửa cấp huyện qua mạng Internet	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	badinh.hanoi.gov.vn
-	Số lượng phần mềm chuyên dụng		Phần mềm	Phần mềm: quản lý nhân sự; quản lý tài chính - kế toán; Quản lý đầu tư công; Quản lý người có công; Quản lý thi; Quản lý học sinh; Quản lý tài liệu kỹ hợp; Quản lý văn bản đi đến; Quản lý địa chính; Quản lý về hộ khẩu
-	Ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	Có	Có thực hiện hoặc chưa thực hiện	
6.1.3	<i>Thống kê phần mềm các đơn vị hành chính cấp xã đang sử dụng:</i>			
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng	14		
+	Số xã sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng được hoạt động tốt	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa có khả năng kết nối, đồng bộ xử lý giữa UBND xã với UBND huyện	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa sử dụng hoặc chức năng Quản lý văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan trong Phần mềm hoạt động chưa tốt	0	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số xã chưa sử dụng hoặc chức năng Quản lý văn bản đi/đến với cơ quan bên ngoài trong Phần mềm hoạt động chưa tốt	0	Đơn vị	
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã sử dụng Phần mềm Một cửa			
+	Số xã sử dụng Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho thấy phần mềm hoạt động tốt	14	Đơn vị	motcua.hanoi.gov.vn
+	Số xã chưa sử dụng Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoặc Phần mềm chưa thấy hoạt động tốt	0	Đơn vị	
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua màn hình cảm ứng tại trụ sở xã	14	Đơn vị	
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua Internet	14	Đơn vị	
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua tin nhắn SMS (điện thoại di động)	14	Đơn vị	Đối với các TTHC đã triển khai DVC mức độ 3, 4
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua hình thức khác	14	Đơn vị	Thông tin trạng thái giải quyết hồ sơ niêm yết tại bộ phận Một cửa phường (bản giấy)
-	Số xã sử dụng các phần mềm chuyên dụng	14	Đơn vị	Quản lý tài chính - kế toán
-	Số xã ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	0	Đơn vị	
-	Số xã chưa ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	0	Đơn vị	UBND Thành phố chưa triển khai
6.1.4	<i>Trao đổi văn bản trên môi trường mạng của cơ quan UBND huyện:</i>			
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) trong nội bộ của huyện	100	%	
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) giữa huyện với các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố	100	%	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ huyện (tính trung bình trên toàn huyện)	5	%	
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị bên ngoài huyện	10	%	
6.1.5	<i>Trao đổi văn bản trên môi trường mạng của UBND cấp xã:</i>			
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) trong nội bộ của xã	14	Đơn vị	
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến (trừ những văn bản mật, văn bản phải được nhận bản chính dấu đỏ) giữa xã với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện	14	Đơn vị	
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.	0	Đơn vị	
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị bên ngoài huyện	0	Đơn vị	
6.1.6	<i>Trang (công) thông tin điện tử của huyện</i>			
-	Trang thông tin điện tử của huyện:	Có	Có hoặc không	badinh.hanoi.gov.vn
+	Nội dung thông tin trang được đăng tải đầy đủ các thông tin về hoạt động của huyện, phong phú, đa dạng, thiết thực phù hợp với quy định pháp luật	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	
+	Liên kết với Công thông tin điện tử của Thành phố và trang thông tin điện tử ngành dọc cấp trên	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	Chưa liên kết đầy đủ nêu rõ lý do

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đăng tải công khai các Danh mục TTHC, nội dung TTHC, các biểu mẫu TTHC, quy trình giải quyết TTHC	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	Chưa đầy đủ nêu rõ lý do
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 1 (công bố thông tin về Thủ tục):	0	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	0	%	100%
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức 2 (có kèm theo các văn bản, biểu mẫu):	0	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	0	%	67.50%
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức 3(khai báo và thông báo kết quả giải quyết):	8	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	3.58744395	%	47.40%
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 (khai báo và nhận kết quả trên mạng):	194	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	86.9955157	%	9.60%
-	Số xã có trang thông tin điện tử	0	Đơn vị	Đang trong quá trình triển khai
6.1.7	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện, thị xã</i>			
-	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	12	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 3 có phát sinh hồ sơ	10	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	2	DVC	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3	1477	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1477	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn	500	Hồ sơ	
+	Quá hạn	567	Hồ sơ	Các hồ sơ đề đã trả công dân, tổ chức đúng hạn. Tuy nhiên trong quá trình xử lý, cán bộ phụ trách các quy trình chưa cập nhật trên phần mềm nên hồ sơ báo quá hạn.

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đang giải quyết	410	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 4	520	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	520	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn	157	Hồ sơ	
+	Quá hạn	213	Hồ sơ	Các hồ sơ đề đã trả công dân, tổ chức đúng hạn. Tuy nhiên trong quá trình xử lý, cán bộ phụ trách các quy trình chưa cập nhật trên phần mềm nên hồ sơ báo quá hạn.
+	Đang giải quyết	150	Hồ sơ	
6.1.8	<i>Cung cấp dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) của UBND quận, huyện, thị xã</i>			
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI		DVC	
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ (tiếp nhận, đang giải quyết và trả kết quả)	0	DVC	
+	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Hồ sơ	
+	Số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0	Hồ sơ	
•	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
•	Quá hạn		Hồ sơ	
+	Đang giải quyết		Hồ sơ	
6.1.9	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			
-	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	10	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 3 có phát sinh hồ sơ	9	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	1	DVC	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3	2326	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	2326	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn	2212	Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Đang giải quyết	114	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 4	22	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	22	Hồ sơ	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đúng hạn, trước hạn	19	Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Đang giải quyết	3	Hồ sơ	
6.1.10	<i>Cung cấp dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI		DVC	
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ (tiếp nhận, đang giải quyết và trả kết quả)	0	DVC	
+	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Hồ sơ	
+	Số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0	Hồ sơ	
•	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
•	Quá hạn		Hồ sơ	
+	Đang giải quyết		Hồ sơ	
6.2.	Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND quận, huyện, thị xã			
6.2.1	<i>Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 trong các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện</i>			
-	Ban hành văn bản triển khai	Có	Văn bản	Kế hoạch 210/KH-UBND ngày 30/10/2019
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện	5	Nhiệm vụ/đơn vị	
+	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành	3	Nhiệm vụ/đơn vị	
+	Tỷ lệ % hoàn thành	60	%	
+	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại cơ quan UBND quận, huyện, thị xã	Có	Đã công bố hoặc chưa công bố	Quyết định 3246/QĐ-UBND ngày 21/11/2017
-	Thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLC ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại cơ quan UBND quận, huyện, thị xã theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
-	Áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
6.2.2.	<i>Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 trong hoạt động quản lý của UBND các xã, phường, thị trấn			
+	Số xã đã tự công bố HTQLCL ISO 9001 vào trong hoạt động	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa tự công bố HTQLCL ISO 9001 vào trong hoạt động	0	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % số xã đã tự công bố so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
-	Thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLC ISO 9001 trong hoạt động quản lý của UBND các xã, phường, thị trấn			
+	Số xã thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLCL ISO 9001 trong hoạt động	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLCL ISO 9001 trong hoạt động	0	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % số xã thực hiện việc duy trì so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
-	Áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động			
+	Số xã áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	14	Đơn vị	
+	Số xã chưa áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị chưa thực hiện duy trì và lý do
+	Tỷ lệ % số xã thực hiện việc duy trì so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
7	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Thành phố giao			
-	Số nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	14	Nhiệm vụ/đơn vị/chỉ tiêu	
-	Số nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch (ước tính):	0	Nhiệm vụ/đơn vị/chỉ tiêu	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	0	%	Các nhiệm vụ, chỉ tiêu đang trong quá trình thực hiện, dự kiến hoàn thành trong năm 2020.